

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2022/ HNGĐ- ST
Ngày 20/12/2022
“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hứa Thị Hương

Ông Nguyễn Văn Chỉ

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Quốc Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vui - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 265/2022/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Tô Thị T, sinh năm 1985

Nơi ĐKKHKT: Thôn C, xã L, huyện K, tỉnh H;

Nơi ở hiện nay: Đội 8, xã K, huyện K, tỉnh H.

Bị đơn: Anh Lương Văn C, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn C, xã L, huyện K, tỉnh H.

Chị T, anh C đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn và bị đơn trình bày:

Chị T và anh C kết hôn ngày 08/4/2004, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện K, tỉnh H. Trước khi kết hôn, anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, anh chị về sinh sống tại gia đình nhà anh C. Thời gian đầu, anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2015, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn.

Theo chị T, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng về quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ, lời qua tiếng lại, trong lúc cãi nhau anh C còn đánh đập chị T. Thêm nữa, anh C không có lập trường, thường nghe mẹ và em gái, kiêu cố gây sự với chị. Vợ chồng không bao ban được nhau trong việc xây dựng kinh tế gia đình làm cho kinh tế bị sa sút, cuộc sống gặp nhiều khó khăn. Đến tháng 3 năm 2021, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra trầm trọng. Anh C và gia đình anh C đuổi mẹ con chị ra khỏi nhà. Thời điểm đó, chị đã làm đơn xin ly hôn anh C tại Tòa án nhân dân huyện Kim Thành. Do mâu thuẫn của anh chị chưa trầm trọng nên Tòa án nhân dân huyện Kim Thành xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị. Nhưng từ đó cho đến nay, chị vẫn không về sinh sống cùng anh C. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị kiên quyết giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh C.

Theo anh C, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2015. Nguyên nhân là do chị T có biểu hiện không chung thủy với anh. Thêm nữa, do anh làm ăn kinh tế thua lỗ nên chị T quay ra chán chồng, vợ chồng bắt đầu ly thân từ đó. Anh đi làm ăn xa, chị T ở nhà sinh sống cùng gia đình anh nhưng không đỡ đàn được gia đình mà còn có thái độ, lời nói không tôn trọng bố mẹ anh. Đến năm 2020, chị T tự ý đưa hai con ra khỏi nhà anh mà về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Anh và gia đình có lên nhà chị T nói chuyện nhưng chị T kiên quyết không về sinh sống cùng với anh. Kể từ sau khi Tòa án nhân dân huyện Kim Thành không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, chị T cũng không về sinh sống cùng với anh. Nay chị T xin ly hôn anh, anh không đồng ý. Vì anh không muốn con cái khổ, sống không có bố hoặc mẹ. Còn thực tế, anh và chị T không còn chung sống và không còn tình cảm vợ chồng với nhau, sống với nhau còn vì trách nhiệm với con cái.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Lương Thị Phương T, sinh ngày 10/4/2005 và Lương Quốc C, sinh ngày 04/11/2007, hiện đang ở với chị T. Nếu vợ chồng ly hôn, chị T và anh C đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu chị T hoặc anh C được trực tiếp nuôi hai con chung thì đều không yêu cầu bên kia cấp dưỡng. Còn chị T trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung thì anh C cũng không cấp dưỡng nuôi con chung với chị T.

Về tài sản chung, nợ: Chị T và anh C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qua xác minh với cán bộ tư pháp, trưởng thôn C, xã L, ông T - bố đẻ anh C, bà T1 - mẹ đẻ chị T xác định: Quá trình chị T và anh C sinh sống với nhau phát sinh rất nhiều mâu thuẫn, bất đồng. Nguyên nhân là do kinh tế gia đình khó

khăn, anh chị nợ nần nhiều, thường xuyên xảy ra cãi cọ, xích mích, có lúc còn xảy ra xô sát, đánh chửi nhau. Thêm nữa, anh C nghi ngờ chị T ngoại tình dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng. Kể từ tháng 3 năm 2021, anh chị đã sống ly thân, không còn chung sống với nhau từ đó cho đến nay. Theo bà T, thời gian anh chị sống ly thân, anh C thường xuyên đến nhà bà T1 đe dọa, chửi bới bà và mẹ con chị T, đỉnh điểm anh C còn đánh các cháu tại nhà bà dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng. Nay chị T xin ly hôn anh C, quan điểm của cán bộ cán bộ tư pháp, trưởng thôn C, xã L đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, quan điểm của ông T đề nghị Tòa án hòa giải để anh chị về đoàn tụ, quan điểm của bà T1 đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn nhau.

Tại phiên tòa:

Chị T và anh C đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật án phí, lệ phí; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tô Thị T, xử cho chị Tô Thị T được ly hôn với anh Lương Văn C. Về con chung: Giao 02 con chung là Lương Thị Phương T, sinh ngày 10/4/2005 và Lương Quốc C, sinh ngày 04/11/2007 cho chị Tinh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng từ tháng 12/2022 đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con với chị. Anh C được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Tô Thị T khởi kiện xin ly hôn đối với anh Lương Văn C có địa chỉ cư trú tại xã L, huyện K, tỉnh H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Lương Văn C là bị đơn không có yêu cầu phản tố, đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, chị T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T, anh C.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tô Thị T và anh Lương Văn C kết hôn năm 2004, trên cơ sở tự nguyện, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn theo luật định. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Anh chị chung sống thời gian dài thì đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị bất đồng về quan điểm sống, sinh hoạt hằng ngày, làm ăn kinh tế và đối xử với gia đình hai bên. Thêm nữa, anh C có nghi ngờ chị T không chung thủy, coi thường anh do làm ăn kinh tế thua lỗ, nợ nần nhiều. Do đó, anh chị thường xuyên xảy ra cãi cọ, xích mích, có lúc còn xô xát, đánh chửi nhau. Kể từ tháng 3 năm 2021, anh chị đã sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau. Tháng 9 năm 2021, chị T có làm đơn xin ly hôn anh C nhưng Tòa án nhân dân huyện Kim Thành không chấp nhận. Mâu thuẫn vợ chồng không những không được cải thiện mà ngày càng trầm trọng. Kể từ đó cho đến nay, anh chị cũng không về sinh sống cùng với nhau. Anh chị bỏ mặc nhau, không còn quan tâm gì đến nhau cả về tình cảm lẫn kinh tế. Xét quan hệ vợ chồng anh chị đã ở vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ly hôn là một giải pháp tích cực để giải phóng cho hai anh chị cũng như các thành viên khác trong gia đình khỏi cảnh bất thường, đảm bảo lợi ích của vợ chồng anh chị, của gia đình và của xã hội. Anh C không đồng ý ly hôn chị T nhưng anh cũng không còn biện pháp nào để níu kéo tình trạng vợ chồng. Hơn nữa, anh xác định vợ chồng không còn chung sống và không còn tình cảm vợ chồng với nhau, việc anh không đồng ý ly hôn chị T vì không muốn con cái khổ, không có bố hoặc mẹ, sống với nhau còn vì trách nhiệm với con cái không phải lý do để đoàn tụ vợ chồng. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Anh chị đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Lương Thị Phương T, sinh ngày 10/4/2005 và Lương Quốc C, sinh ngày 04/11/2007. Nguyện vọng của anh chị đều chính đáng, phù hợp trách nhiệm của người làm cha, làm mẹ.

Xét điều kiện nuôi con của anh chị thì thấy: Kể từ khi anh chị ly thân đến nay, hai cháu đều sinh sống cùng với chị T, đều được đảm bảo về nơi ở, học hành và phát triển bình thường. Hiện chị T làm công nhân may, thu nhập hàng tháng là 10.000.000đồng. Bố mẹ đẻ chị T nhất trí ủng hộ, giúp đỡ chị trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu. Do vậy, việc giao hai con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng, điều kiện hoàn cảnh của anh chị và phù hợp với nguyện vọng của các cháu, phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng: Chị T tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Xét việc yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

[2.3]. Về quan hệ tài sản, nợ: Đến nay, chị T và anh C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt xem xét giải quyết trong vụ án này.

[2.4]. Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tô Thị T.

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Tô Thị T ly hôn anh Lương Văn C.

- Về con chung: Giao 02 con chung là Lương Thị Phương T, sinh ngày 10/4/2005 và Lương Quốc C, sinh ngày 04/11/2007 cho chị Tô Thị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 12 năm 2022 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thỏa thuận khác. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

Anh C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ: Không đặt ra giải quyết

Về án phí: Chị Tô Thị T phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, đối trừ với số tiền 300.000đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2020/0004877 ngày 21/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kim Thành;
- UBND xã Liên Hòa, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị Thu Hương